



# PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ Ở NƯỚC TA

NGUYỄN MINH TÚ \*

**T**RÊN thế giới, hợp tác xã đã có lịch sử gần 200 năm phát triển liên tục. Lý luận về hợp tác xã cùng với thực tiễn của nó đã được hình thành và phát triển như là một môn khoa học, đã được đưa vào giảng dạy chính thức tại nhiều trường đại học ở nhiều nước trên thế giới, nhất là các nước công nghiệp phát triển.

Nhận thức đúng bản chất hợp tác xã có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn chỉnh khung khổ pháp luật, làm rõ tiềm năng và lợi thế đích thực của hợp tác xã, từ đó làm nó có đóng góp quan trọng, là nòng cốt của kinh tế tập thể và cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Bản chất hợp tác xã và nhận thức đúng bản chất hợp tác xã là vấn đề đang được nhiều người quan tâm hiện nay. Lý luận về hợp tác xã ở nước ta đã có bước phát triển quan trọng, thể hiện thông qua các quan điểm, chủ trương của Đảng, làm nền tảng cho việc ban hành khung khổ thể chế mới cho hợp tác xã kiểu mới ra đời và phát triển. Luật Hợp tác xã ra đời đã tạo bước phát triển mới về chất cho các hợp tác xã, đóng góp ngày càng quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Tuy vậy, lý luận và mô hình hợp tác xã ở nước ta cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện. Vì vậy, văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã chỉ rõ: "Tổng kết thực tiễn, sớm

có chính sách, cơ chế cụ thể khuyến khích phát triển mạnh hơn các loại hình kinh tế tập thể đa dạng về hình thức sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, bao gồm các tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới. Chú trọng phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cổ phần"<sup>(1)</sup>.

Qua thực tiễn phát triển hợp tác xã ở nước ta, nổi lên hiện tượng phổ biến là: nhận thức của nhiều người về bản chất hợp tác xã chưa rõ ràng, thậm chí lệch lạc, khi cho rằng hợp tác xã là một số cá nhân, góp vốn để tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường kết hợp với một số nguyên tắc hợp tác xã như tham gia tự nguyện, quản lý dân chủ... Quan niệm về hợp tác xã như vậy thực chất là sự quay trở về mô hình hợp tác xã kiểu cũ trong thời kỳ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, làm cho hợp tác xã trở nên hình thức, phát triển không bền vững. Bởi vậy, xin nêu một số vấn đề có liên quan đến bản chất và mô hình hợp tác xã:

1 - *Hợp tác xã phục vụ kinh tế hộ, kinh tế xã viên là cần nhưng chưa đủ. Cần phải xuất phát từ định nghĩa (pháp lý) mang tính phổ biến trên thế giới và đã được Liên minh hợp*

\* TS, Vụ trưởng Vụ Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư  
(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, 2006, tr 85, 86

tác xã quốc tế (ICA) khuyến cáo chính thức là: "hợp tác xã là hiệp hội tự chủ của các cá nhân liên kết với nhau một cách tự nguyện nhằm *đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng chung* về kinh tế, xã hội và văn hóa thông qua một doanh nghiệp được sở hữu chung và được kiểm soát một cách dân chủ". Định nghĩa này bao hàm mấy luận đề đáng lưu ý sau đây:

a) Hợp tác xã là tổ chức tập hợp của cá nhân con người (chứ không phải vốn) cùng với hoạt động kinh tế của riêng từng cá nhân, trong đó bao gồm cả hoạt động tiêu thụ/tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ. Nói cách khác, cá nhân con người cùng với hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội của họ là nền tảng của hợp tác xã, là cái có trước, từ đó mới hình thành nên hợp tác xã. Hợp tác xã và hoạt động kinh tế xã viên là hai chủ thể độc lập nhưng gắn bó hữu cơ với nhau. Hợp tác xã không tự nó sinh ra và không có mục đích tự thân. Hợp tác xã hoạt động hết thảy vì lợi ích xã viên, tức lợi ích trong hợp tác xã thuộc về xã viên.

Xã viên hợp tác xã với hoạt động kinh tế riêng của mình đồng thời là pháp nhân tự chủ, tự chịu trách nhiệm và nghĩa vụ trước Nhà nước, trước hết là thuế. Hợp tác xã cần được miễn thuế lợi nhuận (thuế thu nhập doanh nghiệp) đối với lợi nhuận từ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho xã viên, mà thực chất là khoản dư, nếu hợp tác xã bị đánh thuế này có nghĩa là kinh tế xã viên sẽ phải chịu hai lần cùng một loại thuế.

b) Hoạt động kinh tế của các xã viên có rất nhiều nhu cầu khác nhau. Nhưng các xã viên hợp tác xã phải có nhu cầu chung trong hoạt động kinh tế của mình thì mới có thể tập hợp nhau trong hợp tác xã. Do vậy, hoạt động kinh tế của các xã viên thường giống nhau, hoặc trong cùng một ngành, nghề nhất định. Hợp

tác xã không phục vụ hết thảy nhu cầu của các xã viên, mà *chỉ đáp ứng nhu cầu chung*. Những yêu cầu ấy có ý nghĩa quan trọng về hiệu quả kinh tế có thể được đáp ứng tốt hơn thông qua hợp tác xã (tức hợp tác giữa các xã viên với nhau) hơn là từng xã viên thực hiện một cách riêng lẻ. Nói cách khác, chức năng của hợp tác xã là đáp ứng nhu cầu chung của xã viên; xã viên hợp tác xã chính là khách hàng của hợp tác xã. Nói cách khác, hợp tác xã cùng tập thể các xã viên hợp thành một thị trường, theo đó hợp tác xã và tập thể xã viên đều là khách hàng của nhau. Phương án hoạt động của hợp tác xã là phương án tổ chức thực hiện việc đáp ứng nhu cầu chung đó một cách hiệu quả nhất.

Hiện nay có hiện tượng phổ biến là nhiều hợp tác xã lúng túng trong xây dựng phương án sản xuất kinh doanh. Đây là hệ quả của việc thành lập và tổ chức hoạt động hợp tác xã chưa đúng với nguyên tắc hợp tác xã; coi hợp tác xã là doanh nghiệp hoạt động trên thị trường, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho thị trường bên ngoài hợp tác xã mà không hướng vào xã viên, tức thị trường hàng đầu của mình. Trong khi cạnh tranh, thị trường ngày càng khắc nghiệt, trình độ quản trị kinh doanh của hợp tác xã còn yếu, thì lúng túng là đương nhiên. Lẽ ra, phương án sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã phải là phương án tổ chức hoạt động để đáp ứng nhu cầu chung của xã viên đã được hợp tác xã bàn bạc dân chủ và đưa vào Điều lệ Hợp tác xã; hợp tác xã đăng ký kinh doanh phải theo những ngành nghề tạo sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu chung của xã viên đã được thống nhất, chứ không phải ngành nghề nào đó đáp ứng cho thị trường. Thông qua hợp tác xã, xã viên tiết kiệm được chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và sức cạnh tranh sản phẩm, dịch vụ của mình.

c) Hợp tác xã có thể phát huy lợi thế và tiềm năng không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, mà cả trong lĩnh vực xã hội, văn hóa và trong bất cứ lĩnh vực nào xuất hiện nhu cầu chung của các xã viên. Ví dụ, hợp tác xã dịch vụ an ninh ở Xin-ga-po có 17 xã viên sáng lập là cơ quan thuộc chính phủ; hợp tác xã nhà ở, y tế ở Nhật Bản... Như vậy, thông qua hợp tác xã, xã viên được đáp ứng các nhu cầu về xã hội, văn hóa với chi phí rẻ, chất lượng tốt và bảo đảm tin cậy.

d) Hợp tác xã không phải là tổ chức xã hội mà chỉ mang tính chất xã hội, càng không phải tổ chức từ thiện, mà là tổ chức kinh tế đặc biệt thúc đẩy "hợp tác" trong cộng đồng xã viên hợp tác xã nhằm đáp ứng một cách hiệu quả nhu cầu chung trong hoạt động kinh tế và nhu cầu xã hội, văn hóa của xã viên, trước hết mang lại lợi ích kinh tế cho xã viên. Hợp tác xã phải hoạt động hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận/khoản dư thừa, mà khoản này cuối cùng được phân phối trở lại cho tất cả xã viên.

2 - *Ngoài việc đáp ứng nhu cầu chung của xã viên, hợp tác xã có được cung ứng sản phẩm, dịch vụ của mình đáp ứng nhu cầu thị trường không? nếu được thì đáp ứng mức độ nào và hợp tác xã có thể mở rộng quy mô hoạt động để tăng hiệu quả theo cách thức nào? Câu trả lời cụ thể tùy thuộc từng nước với các mô hình cụ thể khác nhau. Về cơ bản có ba cách thức sau đây:*

- Thu hút thêm xã viên, tức kết nạp thêm nhiều xã viên từ bên ngoài thị trường vào hợp tác xã, từ đó tăng số lượng xã viên và vốn Điều lệ Hợp tác xã, tức tăng số lượng khách hàng của hợp tác xã, giúp hợp tác xã nâng cao hiệu quả phục vụ xã viên;

- Sáp nhập, hợp nhất nhiều hợp tác xã thành một có quy mô lớn hơn cả về số lượng

xã viên, vốn Điều lệ và năng lực hoạt động của hợp tác xã;

- Cho phép hợp tác xã giao dịch với thị trường với hai mức độ: giao dịch hạn chế, giao dịch không hạn chế.

Việt Nam nên theo cách thức nào và xử lý như thế nào đối với thực tiễn hợp tác xã ở nước ta hiện nay? Nói cách khác, Việt Nam nên lựa chọn mô hình hợp tác xã nào? Vấn đề là, mô hình hợp tác xã được lựa chọn có quán triệt được các nguyên tắc hợp tác xã hay không, bảo đảm các nguyên tắc hợp tác xã có hiệu lực thực tiễn, chứ không mang tính hình thức, từ đó tạo điều kiện cho hợp tác xã tồn tại bền vững; nếu khác đi, hợp tác xã sẽ đi đến kết cục: giải thể, hoặc chuyển sang hình thức doanh nghiệp khác về mặt pháp lý.

Nói cách khác, thị trường của hợp tác xã trước hết là xã viên hợp tác xã; số xã viên càng lớn thì thị trường đối với hợp tác xã càng lớn. Hai cách thức đầu là những cách thức truyền thống mở rộng quy mô hoạt động của hợp tác xã, mở rộng "thị trường" của hợp tác xã được áp dụng phổ biến ở các nước và làm cơ sở hình thành nguyên tắc "mở" của hợp tác xã đã được cộng đồng quốc tế khuyến cáo thành nguyên tắc đầu tiên cùng với nguyên tắc tự nguyện của hợp tác xã. Cách thứ ba mới được phát triển từ một số thập niên gần đây và ngày càng trở thành xu hướng phổ biến, bảo đảm hợp tác xã liên kết thành mạng lưới có sức mạnh kinh tế tăng lên. Nếu hợp tác xã có quy mô phục vụ thị trường là chủ yếu, chứ không phải là xã viên hợp tác xã thì có nguy cơ hợp tác xã sẽ dần xa rời nguyên tắc hợp tác xã, đi đến chuyển thể sang hình thức doanh nghiệp về mặt pháp lý. Vấn đề này cần được triển khai nghiên cứu tiếp.

3 - *Vốn góp của xã viên và sở hữu tập thể không chia của hợp tác xã.* Vốn góp của xã viên hợp tác xã ở nhiều nước có cách gọi khác nhau: dự phần xã hội, vốn góp Điều lệ, cổ phần v.v., là vốn sở hữu của xã viên trong hợp tác xã. Trong suốt quá trình tham gia hợp tác xã, xã viên được sở hữu tư nhân phần vốn góp; còn tài sản hình thành từ hoạt động của hợp tác xã là tài sản chung không chia của hợp tác xã; trường hợp hợp tác xã bị giải thể, tài sản này phải được chuyển giao cho chính quyền địa phương; trường hợp xã viên rút ra khỏi hợp tác xã, anh ta chỉ được rút phần vốn đã góp. Đây là đặc điểm mang tính bản chất của hợp tác xã (nhưng không phải là mục tiêu của hợp tác xã), đề cao tính cộng đồng và sở hữu chung trong hợp tác xã, khác hẳn với doanh nghiệp thương mại, theo đó sở hữu của xã viên doanh nghiệp trong tài sản của doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ góp vốn của mình suốt quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp.

Thập niên 50 và 60 của thế kỷ trước, cộng đồng quốc tế đã bắt đầu đề cao vai trò của tài sản chung trong hợp tác xã. Ngày nay, cộng đồng quốc tế đề cao nguyên tắc hợp tác xã cung cấp dịch vụ cho xã viên đi đôi với việc xã viên phải sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã. Đây là bản chất kinh tế rất quan trọng làm cho hợp tác xã phát triển bền vững. Hợp tác xã làm hết thảy và hoạt động hiệu quả vì xã viên. Tài sản chung được hình thành và phát triển không có mục đích tự thân, mà phục vụ hiệu quả nhu cầu chung xã viên; có tài sản chung hay chưa có tài sản chung, tài sản chung lớn hay nhỏ, đơn giản hay hiện đại... là do yêu cầu về hiệu quả của việc đáp ứng nhu cầu chung đặt ra. Những người có tinh thần hợp tác sẽ tham gia hợp tác xã; người đặt mục tiêu là lợi nhuận, ưa thích làm việc cá nhân sẽ tham gia doanh nghiệp.

4 - *Chia lợi nhuận, hay chênh lệch thu - chi của hợp tác xã.* Theo nguyên tắc truyền thống, lợi nhuận hay khoản dư thừa trong hợp tác xã không được chia theo vốn góp, vì có thể làm xói mòn tinh thần hợp tác, đề cao tư tưởng lợi nhuận, nhưng nếu không chia thì thật sự không thể hấp dẫn đông đảo xã viên tham gia hợp tác xã. Nhưng, nếu chia toàn bộ lợi nhuận theo vốn góp thì dễ quay trở về mô hình doanh nghiệp thương mại, công ty cổ phần, theo đó lợi nhuận cơ bản chia theo vốn góp, hợp tác xã không còn có lợi thế riêng nữa trong việc khuyến khích tinh thần hợp tác trong cộng đồng. Vì vậy, qua quá trình phát triển lâu dài của hợp tác xã, người ta mới đề ra nguyên tắc cho phép chia một phần lợi nhuận theo vốn góp, không phải toàn bộ lợi nhuận.

Lợi nhuận/khoản dư trong hợp tác xã được chia theo nhiều tiêu thức khác nhau: vốn góp, đặc biệt mức độ sử dụng dịch vụ hợp tác xã; trích lập quỹ phát triển hợp tác xã; trích lập quỹ dự trữ hợp tác xã phòng khi rủi ro. Ngoài ra, nó còn được phân chia cho việc đáp ứng nhu cầu giáo dục, huấn luyện, thông tin cho xã viên hợp tác xã; đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa - xã hội chung của cộng đồng xã viên; đóng góp từ thiện của hợp tác xã đối với cộng đồng dân cư địa phương v.v.. Đây là bản chất nhân văn và mang đậm màu sắc văn hóa của hợp tác xã. Nói cách khác, tất cả thành quả của hợp tác xã được phân phối một cách công bằng (chứ chưa được bình đẳng và cũng không phải là cào bằng) cho mọi xã viên hợp tác xã trên cơ sở nhiều mục tiêu khác nhau, theo đó tất cả xã viên hợp tác xã cùng chia sẻ khó khăn, trách nhiệm, nghĩa vụ và lợi ích, từ đó khuyến khích phát triển tinh thần hợp tác, tính cộng

(Xem tiếp trang 62)